

Phụ lục số 03: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Stt			Nội dung đánh giá	Điểm đánh giá		
				Tối đa	Chi tiết	Tối thiểu
1	Giải pháp kỹ thuật			230	0-230	149,5
	1.1	Mức độ đáp ứng yêu cầu về vật tư, vật liệu		130		
		Đối với các chủng loại vật tư, vật liệu... sử dụng cho gói thầu được hướng dẫn tại Phụ lục số 04: Danh mục vật tư chủ yếu, nhà thầu phải cung cấp: a) Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc với nhà sản xuất hoặc đơn vị cung cấp vật tư, vật liệu. Trong nội dung của thoả thuận hoặc hợp đồng..., phải ghi rõ các nội dung tối thiểu: Tên chủ đầu tư, tên dự án, tên gói thầu, nhà thầu tham dự thầu, phạm vi và chủng loại cung cấp, cam kết cung cấp đúng khối lượng, chất lượng, chủng loại đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT. b) Có thuyết minh về nguồn gốc, xuất xứ, đặc tính kỹ thuật hoặc có chứng chỉ chất lượng của vật liệu, cấu kiện, vật tư bán thành phẩm chính của phòng thí nghiệm hợp chuẩn kèm theo. c) Nếu nhà thầu không đáp ứng yêu cầu chất lượng của vật liệu sẽ bị trừ điểm ở các nội dung tương ứng. Trong trường hợp, nếu nhà thầu có tổng điểm kỹ thuật đáp ứng E-HSMT và được mời thương thảo hợp đồng, Nhà thầu cam kết phải cung cấp vật tư, vật liệu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT				
		1.1.1	Xi măng	10		
		1.1.2	Thép các loại	10		
		1.1.3	Cát các loại	10		
		1.1.4	Đá các loại	10		
		1.1.5	Dây thép gai	10		
		1.1.6	Cáp điện CVV 4x10-300/500V	10		
		1.1.7	Hộp nối dây KT 125x125x75mm	10		
		1.1.8	Cầu đấu nối điện/ Domino HYBT – 15A	10		
		1.1.9	Đầu giữ dây cáp PG25, PG16	10		
		1.1.10	Cầu chì thủy tinh 1A	10		
		1.1.11	Băng keo điện Nano	10		
		1.1.12	Dây rút Inox 304_4,6x200mm	10		
		1.1.13	Ổng nhựa chống cháy D32	10		
	1.2	Giải pháp kỹ thuật thi công cho các công tác chính		100		
		Thuyết minh trên khổ giấy A4, bản vẽ thể hiện trên khổ giấy A3. Thuyết minh phải phù hợp bản vẽ, rõ ràng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT, trong đó có nêu rõ giải pháp cho các công tác tác chính gồm:				
		1.2.1	Công tác trắc đạc			
		1.2.2	Công tác tháo dỡ			
		1.2.3	Công tác cắt, hàn nối trụ thép hàng rào mạ kẽm			
		1.2.4	Công tác đào móng, đắp đất hoàn trả			
		1.2.5	Công tác thi công coffa, sắt thép			

Stt			Nội dung đánh giá	Điểm đánh giá		
				Tối đa	Chi tiết	Tối thiểu
		1.2.6	Công tác thi công bê tông xi măng			
		1.2.7	Công tác lắp đặt khung lưới dây thép hàn, dây kẽm gai dạng bùng nhùng phía trên hàng rào			
		1.2.8	Công tác sửa chữa, thay thế cáp đèn chiếu sáng			
		a.	Nội dung đáp ứng đầy đủ yêu cầu giải pháp kỹ thuật thi công cho các công tác chính: 100% số điểm;			
		b.	Nội dung đáp ứng 80%-99% giải pháp kỹ thuật thi công cho công tác chính: 80% số điểm;			
		c.	Nội dung đáp ứng 60%-79% giải pháp kỹ thuật thi công cho công tác chính: 60% số điểm;			
		d.	Nội dung đáp ứng dưới 60% giải pháp kỹ thuật thi công hoặc có ít nhất 1 nội dung không đáp ứng: 0 điểm;			
2	Biện pháp tổ chức thi công			200	0-200	130
			Trình bày biện pháp tổ chức thi công chi tiết từ giai đoạn khởi công đến giai đoạn nghiệm thu hoàn thành đưa công trình đưa vào khai thác sử dụng (bao gồm thuyết minh và bản vẽ khổ A3 - Bản vẽ sẽ được cung cấp cho Bên mời thầu cùng với việc đối chiếu, cung cấp tài liệu của nhà thầu)			
	2.1	Công tác chuẩn bị khởi công: Trình bày cụ thể các công tác cần thiết để chuẩn bị khởi công công trình.		20		
		a.	Nội dung đáp ứng đầy đủ yêu cầu: 100% số điểm;			
		b.	Nội dung đáp ứng 80%-99% yêu cầu: 80% số điểm;			
		c.	Nội dung đáp ứng 60%-79% yêu cầu: 60% số điểm;			
		d.	Nội dung đáp ứng dưới 60% yêu cầu: 0 điểm;			
	2.2	Tổ chức mặt bằng công trường:		50		
			Thuyết minh trên khổ giấy A4, bản vẽ thể hiện trên khổ giấy A3. Thuyết minh phải phù hợp bản vẽ, rõ ràng đáp ứng yêu cầu của HSMT, các giải pháp phù hợp thực tế, đặc điểm của công trình, phải bao gồm các nội dung sau:			
		2.2.1	Tổng mặt bằng công trình, vị trí công trình chính, nhà tạm và khu vực phụ trợ phục vụ thi công			
		2.2.2	Ranh giới mặt bằng thi công, hàng rào, cổng ra/vào và biển báo			
		2.2.3	Kho bãi để cấu kiện, vật liệu xây dựng, xe máy, thiết bị thi công chủ yếu			
		2.2.4	Tuyến đường chở vật tư, vật liệu, công nhân...đến kho bãi tập kết và đến vị trí thi công			
		2.2.5	Hệ thống kỹ thuật phục vụ thi công: điện, nước...			
		a.	Nội dung đáp ứng đầy đủ yêu cầu: 100% số điểm;			
		b.	Nội dung đáp ứng 80%-99% yêu cầu: 80% số điểm;			
		c.	Nội dung đáp ứng 60%-79% yêu cầu: 60% số điểm;			
		d.	Nội dung đáp ứng dưới 60% yêu cầu: 0 điểm;			
	2.3	Hệ thống tổ chức:		10		
			- Có sơ đồ hệ thống tổ chức của nhà thầu tại công trường gồm các bộ phận: quản lý tiến độ; kỹ thuật; hành chính kế toán; chất lượng; vật tư, thiết bị; an toàn - Có thuyết minh về chức năng và nhiệm vụ cụ thể của từng bộ phận			
		a.	Nội dung đáp ứng đầy đủ yêu cầu: 100% số điểm;			
		b.	Nội dung đáp ứng 80%-99% yêu cầu: 80% số điểm;			
		c.	Nội dung đáp ứng 60%-79% yêu cầu: 60% số điểm;			
		d.	Nội dung đáp ứng dưới 60% yêu cầu hoặc thiếu 01 bộ phận trở lên trong sơ đồ tổ chức: 0 điểm;			

Stt			Nội dung đánh giá	Điểm đánh giá		
				Tối đa	Chi tiết	Tối thiểu
	2.4	Biện pháp tổ chức để đảm bảo an ninh, an toàn cho hoạt động bay, hoạt động khai thác hiện hữu tại Cảng HK quốc tế Tân Sơn Nhất		20		
		a.	Nội dung đáp ứng đầy đủ, hợp lý và khả thi các biện pháp đảm bảo an ninh an toàn: 100% số điểm;			
		b.	Nội dung đáp ứng 80%-99% yêu cầu: 80% số điểm;			
		c.	Nội dung đáp ứng 60%-79% yêu cầu: 60% số điểm;			
		d.	Nội dung đáp ứng dưới 60% yêu cầu hoặc thiếu 01 trong 02 Biện pháp tổ chức để đảm bảo an ninh, an toàn cho hoạt động bay và hoạt động khai thác hiện hữu tại Cảng HK quốc tế Tân Sơn Nhất : 0 điểm.			
	2.5	Biện pháp tổ chức thi công		100		
		Trình bày biện pháp tổ chức thi công chi tiết từ giai đoạn khởi công đến giai đoạn nghiệm thu hoàn thành đưa công trình đưa vào khai thác sử dụng (bao gồm thuyết minh và bản vẽ khổ A3)				
		2.5.1	Sửa chữa hàng rào từ cổng số 4 (TRAC 2000) đến chốt gác số 16B và đoạn gần cổng an ninh số 19	50		
		a	Hàng rào tạm			
		b	Tháo dỡ hàng rào			
		c	Công tác cắt, hàn nối trụ thép hàng rào mạ kẽm			
		d	Thi công nâng móng trụ hàng rào			
		e	Thi công giằng móng bê tông, giằng đỉnh BTCT, tường rào			
		f	Lắp đặt khung lưới thép hàn, dây kẽm gai dạng bùng nhùng			
		g	Sửa chữa, thay thế và thu hồi cáp đèn chiếu sáng đoạn từ chốt gác an ninh số 19 đến chốt 20			
		a.	Nội dung đáp ứng đầy đủ yêu cầu: 100% số điểm;			
		b.	Nội dung đáp ứng 80%-99% yêu cầu: 80% số điểm;			
		c.	Nội dung đáp ứng 60%-79% yêu cầu: 60% số điểm;			
		d.	Nội dung đáp ứng dưới 60% yêu cầu hoặc thiếu 01 công tác trở lên: 0 điểm;			
		2.5.2	Thay thế bùng nhùng kẽm gai từ cổng số 1 đến cổng số 4 (TRAC2000)	50		
		a	Tháo dỡ kẽm gai bùng nhùng hiện hữu			
		b	Lắp đặt kẽm gai bùng nhùng mới vào tường rào			
		c	Sửa chữa, thay thế cáp đèn chiếu sáng đoạn từ cổng 1 an ninh khu bay đến cổng 4 đường vào RADAR TRAC2000			
		a.	Nội dung đáp ứng đầy đủ yêu cầu: 100% số điểm;			
		b.	Nội dung đáp ứng 80%-99% yêu cầu: 80% số điểm;			
		c.	Nội dung đáp ứng 60%-79% yêu cầu: 60% số điểm;			
		d.	Nội dung đáp ứng dưới 60% yêu cầu hoặc thiếu 01 công tác trở lên: 0 điểm;			
	3	Tiến độ thi công		100	0-100	65
		Tiến độ thi công bao gồm tiến độ xây dựng theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu: - Có trình bày tiến độ chi tiết. - Mức độ khả thi được chứng minh				
	3.1	Tổng tiến độ thi công		40		
		3.1.1	Thời gian thi công (bao gồm cả điều kiện hiện trường, thời tiết và các yếu tố khác...)			

Stt			Nội dung đánh giá	Điểm đánh giá		
				Tối đa	Chi tiết	Tối thiểu
			Đúng theo tiến độ yêu cầu E-HSMT: 60 ngày	40		40
			Rút ngắn 05 ngày được cộng thêm 05 điểm			
			Dài hơn tiến độ yêu cầu của E-HSMT (60 ngày) thì E-HSDT sẽ bị loại không xét tiếp	0		
	3.2	Biểu đồ huy động		30		
			Có các biểu đồ huy động và sự hợp lý giữa tiến độ thực hiện các công tác của Biểu đồ huy động nhân sự, vật liệu, thiết bị phù hợp tiến độ thi công			
		3.2.1	Nhân sự			
		3.2.2	Vật liệu			
		3.2.3	Thiết bị			
			a. Nội dung đáp ứng đầy đủ yêu cầu: 100% số điểm;			
			b. Nội dung đáp ứng 80%-99% yêu cầu: 80% số điểm;			
			c. Nội dung đáp ứng 60%-79% yêu cầu: 60% số điểm;			
			d. Nội dung đáp ứng dưới 60% yêu cầu: 0 điểm;			
	3.3	Biện pháp bảo đảm tiến độ thi công, biện pháp kiểm soát quá trình và thời gian thực hiện công việc chính giảm thiểu sự chậm trễ (thời gian dự phòng):		30		
			a. Nội dung đáp ứng đầy đủ yêu cầu: 100% số điểm;			
			b. Nội dung đáp ứng 80%-99% yêu cầu: 80% số điểm;			
			c. Nội dung đáp ứng 60%-79% yêu cầu: 60% số điểm;			
			d. Nội dung đáp ứng dưới 60% yêu cầu: 0 điểm;			
	4	Biện pháp bảo đảm chất lượng		140	0-140	91
	4.1	Hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu		30		
			Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng cho gói thầu, trong đó có:			
			- Sơ đồ tổ chức			
			- Trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân đối với công tác quản lý chất lượng của nhà thầu			
			a. Nội dung đáp ứng đầy đủ yêu cầu: 100% số điểm;			
			b. Nội dung đáp ứng 80%-99% yêu cầu: 80% số điểm;			
			c. Nội dung đáp ứng 60%-79% yêu cầu: 60% số điểm;			
			d. Nội dung đáp ứng dưới 60% yêu cầu: 0 điểm;			
	4.2	Quản lý chất lượng vật tư, thiết bị		40		
		4.2.1	Có bảng danh mục toàn bộ vật tư, vật liệu sử dụng cho gói thầu			
		4.2.2	Nêu rõ quy trình, biện pháp quản lý chất lượng, vật tư, vật liệu			
		4.2.3	Giải pháp xử lý vật tư, vật liệu bị được phát hiện, đánh giá là không đáp ứng yêu cầu của gói thầu			
		4.2.4	Biện pháp bảo quản vật tư, vật liệu khi mưa bão			
			a. Nội dung đáp ứng đầy đủ yêu cầu: 100% số điểm;			

Stt		Nội dung đánh giá	Điểm đánh giá		
			Tối đa	Chi tiết	Tối thiểu
		b. Nội dung đáp ứng 80%-99% yêu cầu: 80% số điểm; c. Nội dung đáp ứng 60%-79% yêu cầu: 60% số điểm; d. Nội dung đáp ứng dưới 60% yêu cầu hoặc thiếu 01 tiêu chí trở lên: 0 điểm;			
	4.3	Quản lý chất lượng các công tác thi công chính	60		
		4.3.1 Công tác trắc đạc			
		4.3.2 Công tác tháo dỡ			
		4.3.3 Công tác cắt, hàn nối trụ thép hàng rào mạ kẽm			
		4.3.4 Công tác đào móng, đắp đất hoàn trả			
		4.3.5 Công tác thi công coffa, sắt thép			
		4.3.6 Công tác thi công bê tông xi măng			
		4.3.7 Công tác lắp đặt khung lưới dây thép hàn, dây kẽm gai dạng bùng nhùng phía trên hàng rào			
		4.3.8 Công tác sửa chữa, thay thế cáp đèn chiếu sáng			
		a. Nội dung đáp ứng đầy đủ yêu cầu: 100% số điểm; b. Nội dung đáp ứng 80%-99% yêu cầu: 80% số điểm; c. Nội dung đáp ứng 60%-79% yêu cầu: 60% số điểm; d. Nội dung đáp ứng dưới 60% yêu cầu: 0 điểm;			
	4.4	Biện pháp sửa chữa, khắc phục hư hỏng, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng	10		
	5	Vệ sinh môi trường, phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động	120	0-120	78
	5.1	Các biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường	40		
		Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công và đáp ứng yêu cầu của HSMT.			
		5.1.1 Tiếng ồn			
		5.1.2 Bụi, khói			
		5.1.3 Kiểm soát nước thải			
		5.1.4 Kiểm soát rác thải			
		5.1.5 Vệ sinh			
		a. Nội dung đáp ứng đầy đủ yêu cầu: 100% số điểm; b. Nội dung đáp ứng 80%-99% yêu cầu: 80% số điểm; c. Nội dung đáp ứng 60%-79% yêu cầu: 60% số điểm; d. Nội dung đáp ứng dưới 60% yêu cầu hoặc thiếu 01 tiêu chí trở lên: 0 điểm;			
	5.2	Phòng cháy, chữa cháy	40		
		5.2.1 Quy định, quy phạm tiêu chuẩn			
		5.2.2 Các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ			
		5.2.3 Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy, nổ			
		a. Nội dung đáp ứng đầy đủ yêu cầu: 100% số điểm; b. Nội dung đáp ứng 80%-99% yêu cầu: 80% số điểm; c. Nội dung đáp ứng 60%-79% yêu cầu: 60% số điểm; d. Nội dung đáp ứng dưới 60% yêu cầu hoặc thiếu 01 tiêu chí trở lên: 0 điểm;			
	5.3	An toàn lao động	40		

Stt			Nội dung đánh giá	Điểm đánh giá		
				Tối đa	Chi tiết	Tối thiểu
		5.3.1	Huấn luyện, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động			
		5.3.2	Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công			
		5.3.3	An toàn giao thông rà/vào công trường			
		5.3.4	An ninh công trường, quản lý nhân sự, thiết bị			
		5.3.5	An toàn cho công trình và công trình xung quang công trình			
		5.3.6	An toàn cho trang, thiết bị phục vụ thi công			
		a.	Nội dung đáp ứng đầy đủ yêu cầu: 100% số điểm;			
		b.	Nội dung đáp ứng 80%-99% yêu cầu: 80% số điểm;			
		c.	Nội dung đáp ứng 60%-79% yêu cầu: 60% số điểm;			
		d.	Nội dung đáp ứng dưới 60% yêu cầu hoặc thiếu 01 tiêu chí trở lên: 0 điểm;			
6	Bảo hành, bảo trì			30	0-30	19,5
	6.1 Bảo hành xây dựng			20		20
			Thời gian bảo hành $\geq$ 12 tháng	20		
			Thời gian bảo hành < 12 tháng	0		
	6.2. Bảo trì, sửa chữa trong thời gian bảo hành			10		
			Kế hoạch kiểm tra, bảo trì công trình trong thời gian bảo hành	10		
7	Uy tín của nhà thầu			180	0-180	
	7.1 Số lượng hợp đồng tương tự trong vòng 5 năm trở lại đây (từ năm 2022) (không bao gồm hợp đồng trong phần kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự tại Chương III)			60		
			01 hợp đồng	48		
			02 hợp đồng	51		
			$\geq$ 03 hợp đồng	60		
	7.2 Số lượng hợp đồng nhà thầu đã thi công trong khu hoạt động bay đảm bảo an toàn, an ninh...trong vòng 5 năm trở lại đây (từ năm 2022) (không bao gồm hợp đồng trong phần kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự tại Chương III)			120		
			01 hợp đồng	96		
			02 hợp đồng	102		
			$\geq$ 03 hợp đồng	120		
			KẾT LUẬN	1000		750

Phụ lục số 04: Danh mục vật tư chủ yếu

Xuất xứ: xuất xứ vật tư chỉ có tính chất tham khảo, nhà thầu phải đề xuất vật tư phù hợp với hồ sơ kỹ thuật đã được phê duyệt.

Stt	Tên vật tư	Nhãn hiệu	Xuất xứ
1	Xi măng	Hà Tiên, holcim hoặc tương đương	Việt Nam hoặc tương đương
2	Sắt, thép các loại	Hòa Phát, Miền Nam, Pomina, hoặc tương đương	Việt Nam hoặc tương đương
3	Cát các loại	Đồng Nai hoặc tương đương	Việt Nam hoặc tương đương
4	Đá các loại	Đồng Nai hoặc tương đương	Việt Nam hoặc tương đương
5	Dây thép gai	Hòa Phát, Pomina hoặc tương đương	Việt Nam hoặc tương đương
6	Cáp điện CVV 4x10-300/500V	Cadivi hoặc tương đương	Việt Nam hoặc tương đương
7	Hộp nối dây KT 125x125x75mm	Sino, Panasonic hoặc tương đương	Việt Nam hoặc tương đương
8	Cầu đấu nối điện/ Domino HYBT – 15A	Chint, LS Electric hoặc tương đương	Hàn Quốc hoặc tương đương
9	Đầu giữ dây cáp PG25, PG16	Hummel / WISKA hoặc tương đương	EU hoặc tương đương
10	Cầu chì thủy tinh 1A	Bussmann / Schneider Electric hoặc tương đương	Mỹ / EU hoặc tương đương

Stt	Tên vật tư	Nhãn hiệu	Xuất xứ
11	Băng keo điện Nano	3M / Nitto hoặc tương đương;	Nhật Bản / Việt Nam hoặc tương đương
12	Dây rút Inox 304_4,6x200mm	Panduit, HellermannTyton hoặc tương đương	Mỹ / EU hoặc tương đương
13	Ống nhựa chống cháy D32	Nanoco, Sino hoặc tương đương	Việt Nam hoặc tương đương